

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 844/2026/HS-PT

Ngày: 21-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 724/2026/HSPT ngày 18/8/2026 đối với bị cáo Nguyễn Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 283/2026/HS-ST ngày 27/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đ, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1988 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi thường trú: Thôn B, xã P, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: G X, khu phố E, Phường B quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Lê Thị Như N; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa: Ông Đoàn Trí P, Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đông . (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại có kháng cáo: Chị Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: A P, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017 chị Huỳnh Thanh T1 và Nguyễn Đ có quan hệ tình cảm. Đến năm 2024, chị T1 chủ động chia tay nhưng Đ không đồng ý mà thường tìm gặp chị T1 để níu kéo tình cảm. Khoảng 19 giờ ngày 13/5/2025, Nguyễn Đ biết được chị T1 khai trương tiệm Spa tại địa chỉ số A P, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản 240862639 của chị T1 để chúc mừng. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/5/2025, Nguyễn Đ điều khiển xe máy đến tiệm Spa của chị T1 và dùng nói chuyện với chị T1 ở trước tiệm S. Nguyễn Đ nói chuyện, thuyết phục níu kéo tình cảm, chị T1 không đồng ý và mời Nguyễn Đ ra về nhưng Nguyễn Đ không về. Thấy vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc H là vợ của chị T1 đến mời Nguyễn Đ ra về để chị T1 làm việc. Nguyễn Đ bỏ ra ngoài, dắt xe xuống đường và tiếp tục kêu chị T1 ra nói chuyện. Do sợ sự việc ồn ào, chị T1 bước lại kêu Nguyễn Đ đi về. Bất ngờ, Đ đưa tay lấy điện thoại Iphone 15 promax white, dung lượng 512GB trong túi quần bên phải của chị T1, đập mạnh xuống lề đường làm hư hỏng nặng, bể màn hình và trầy xước góc vành của điện thoại. Chị T1 truy hô để mọi người biết. Do chị T1 và Đ không tự thương lượng giải quyết được nên chị T1 đến Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 7306/KL-HĐDGTS ngày 26/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng cấp thành phố kết luận: Đối với 01 màn hình điện thoại Iphone 15 promax white, dung lượng 512GB theo Yêu cầu định giá tài sản số G10783/YC-VPCQCSĐT ngày 25/8/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tại thời điểm định giá ngày 14/5/2025 là 9.400.000 đồng.

Về dân sự: Chị Huỳnh Thanh T1 yêu cầu bồi thường số tiền 36.360.000 đồng, bằng số tiền chị đã mua chiếc điện thoại trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 283/2026/HS-ST ngày 27/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đông 0 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo chấp hành.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2026, bị cáo Nguyễn Đông C đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 29/5/2026, bị hại Huỳnh Thanh T1 có đơn kháng cáo đề nghị áp dụng mức hình phạt cao nhất đối với bị cáo và xem xét Cấp sơ thẩm đã bỏ lọt các hành vi “Cướp giật tài sản”, “Hủy hoại tài sản”, “Khủng bố tinh thần bằng các trang mạng xã hội”, “Xâm nhập gia cư bất hợp pháp”, “Gây rối trật tự công cộng” của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo và bị hại đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đông V tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo của bị cáo và bị hại, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Cấp sơ thẩm xử phạt mức án 01 năm 3 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại không cung cấp thêm tài liệu gì khác nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên mức hình phạt để đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Bên cạnh đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự, nên không có cơ sở xử lý bị cáo về các hành vi “Cướp giật tài sản”, “Hủy hoại tài sản”, “Gây rối trật tự công cộng” cũng như chưa có tài liệu, chứng cứ để xử lý bị cáo về hành vi phạm tội khác. Về trách nhiệm dân sự, trong vụ án này đối tượng thiệt hại là tài sản bị hư hỏng, việc cấp sơ thẩm nhận định bị hại hoang mang, lo lắng để buộc bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 11.700.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật, mang tính chủ quan. Đồng thời, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền lớn hơn giá trị tài sản bị thiệt hại, do đó tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng căn cứ Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025 cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần 11.700.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Đối với việc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị chiếc điện thoại cho bị hại nhưng Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự theo hướng không buộc bị cáo bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần 11.700.000 đồng theo yêu cầu của bị hại và quyết định án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- *Luật sư Đoàn Trí P bào chữa cho bị cáo như sau:* Hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là hành vi nóng giận nhất thời, chứ không phải do bản chất hung hăng và bị cáo không có hành vi đe dọa, xúc phạm danh dự của bị hại và vợ của bị hại. Đối với thiệt hại về tài sản qua định giá là 9.400.000 đồng thì bị cáo đã chủ động nộp lại toàn

bộ số tiền để khắc phục hậu quả cho bị hại trước khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị chiếc điện thoại là 36.000.000 đồng cũng như đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Tuy nhiên, Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là có thiếu sót. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp là 5/12 nên có nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo là lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh gia đình khó khăn được khu phố xác nhận; bị cáo đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ và cha mẹ già là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đông thống N1 với luận cứ bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

Bị hại Huỳnh Thanh T1 không đồng ý với ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư, mà trình bày như sau: Từ lúc xảy ra vụ án đến khi chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì bị cáo mới đồng ý bồi thường số tiền 9.400.000 đồng; bị cáo có thái độ quanh co, không thành khẩn khai nhận nên không có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã nhiều lần đánh đập bị hại nên không thể xem bị cáo là người có nhân thân tốt; bị cáo có điều kiện kinh tế ổn định nên không thể cho rằng bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo thường xuyên liên hệ với vợ cũ của bị cáo chứ không như lời khai của bị cáo là một mình nuôi 02 con nhỏ; luật sư có liên hệ với bị hại nhưng không phải để xin lỗi bị hại mà yêu cầu bị hại bãi nại cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp như sau: Do bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự trong bài phát biểu. Luật sư cho rằng bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Bị hại cho rằng bị cáo quanh co, chối tội và có nhân thân không tốt là chủ quan và không phù hợp với quy định của pháp luật. Về hình phạt, mức án 01 năm 03 tháng tù mà Cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Luật sư Đoàn Trí P đối đáp như sau: Cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nhưng chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về chứng cứ xác nhận bị cáo có hoàn cảnh khó khăn thì Luật sư đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường xác nhận nhưng chưa thể cung cấp cho Tòa án để xem xét.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do có mâu thuẫn về tình cảm với chị Huỳnh Thanh T1, vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/5/2025 tại trước tiệm S, địa chỉ số A P, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Đ đã có hành vi dùng tay lấy điện thoại Iphone 15 promax white, dung lượng 512GB trong túi quần bên phải của chị T1, đập mạnh xuống lề đường làm hư hỏng nặng, bể màn hình và trầy xước góc vành của điện thoại. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 7306/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng cấp thành phố kết luận: 01 màn hình điện thoại Iphone 15 promax white, dung lượng 512GB tại thời điểm định giá ngày 14/5/2025 có giá trị là 9.400.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đông V tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính

chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã chủ động nộp toàn bộ số tiền thiệt hại tài sản để bồi thường cho bị hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không đúng luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới chứng minh bị cáo là lao động trong gia đình, đang trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo và bị hại:

[5.1] Về kháng cáo của bị hại đề nghị xem xét Cấp sơ thẩm đã bỏ lọt các hành vi “Cướp giật tài sản”, “Hủy hoại tài sản”, “Khủng bố tinh thần bằng các trang mạng xã hội”, “Xâm nhập gia cư bất hợp pháp”, “Gây rối trật tự công cộng” của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đông C1 bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi dùng tay đập mạnh xuống lề đường làm hư hỏng nặng, bể màn hình và trầy xước góc vành của điện thoại Iphone 15promax của chị T1, nên Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Các tài liệu, chứng cứ khác do bị hại cung cấp đã được Cấp sơ thẩm xem xét. Tuy nhiên, quá trình điều tra không chứng minh được hành vi của bị cáo phạm các tội “Cướp giật tài sản”, “Hủy hoại tài sản”, “Gây rối trật tự công cộng” nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[5.2] Về kháng cáo đề nghị xem xét về mức hình phạt:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy khi lượng hình Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã

chủ động nộp toàn bộ số tiền thiệt hại tài sản để bồi thường cho bị hại và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị chiếc điện thoại Iphone là 36.000.000 đồng cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng Hội đồng xét xử xét hành vi của bị cáo thực hiện là coi thường pháp luật. Tuy bị cáo chỉ gây thiệt hại về tài sản của bị hại và không có căn cứ để xử lý bị cáo về các hành vi khác theo kháng cáo của bị hại như nhận định tại mục [5.1], nhưng hành vi đến tìm kiếm, nhắn tin, nỉu kéo tình cảm là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác nếu không được ngăn chặn kịp thời. Do đó, mức án 01 năm 03 tháng tù mà Cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về “*Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại*” và hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “*Thiệt hại về tinh thần là tổn thất tinh thần do bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác mà chủ thể bị xâm phạm hoặc người thân thích của họ phải chịu và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất đó*”. Tuy nhiên trong vụ án này, đối tượng bị thiệt hại là tài sản, nhưng Cấp sơ thẩm đã nhận định hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây cho bị hại sự hoang mang lo lắng trong suốt thời gian qua nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 05 tháng lương cơ bản x 2.340.000 đồng thành tiền 11.700.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Mặc dù bị cáo và bị hại không có kháng cáo và không bị kháng nghị về nội dung này, nhưng căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 345 của Bộ luật tố tụng hình sự thì Tòa án cấp phúc thẩm nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng buộc bị cáo không phải bồi thường khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại là 11.700.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 36.000.000 đồng bằng giá trị của một chiếc điện thoại mới, nhưng được cản trừ số tiền 19.400.000 đồng (gồm số tiền 10.000.000 đồng bị cáo chuyển vào tài khoản chúc mừng khai trương tiệm Spa, bị hại tự nguyện đồng ý khấu trừ và số tiền 9.400.000 đồng bị cáo nộp tại Cơ quan Thi hành án để khắc phục hậu quả) nên số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 16.600.000 đồng.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận và không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Bị cáo và bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ và bị hại Huỳnh Thanh T1.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 283/2026/HS-ST ngày 27/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 283/2026/HS-ST ngày 27/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đông (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Buộc bị cáo Nguyễn Đông P1 bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh T1 số tiền 16.600.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bị hại Huỳnh Thanh T1 được nhận số tiền 9.400.000 (Chín triệu bốn trăm nghìn) đồng (Theo biên lai thu tiền số 0008630 ngày 08/5/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố H).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Nguyễn Đ và bị hại Huỳnh Thanh T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Đông P1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 830.000 (Tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 8; (1)
- TAND Khu vực 8; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 8; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người bào chữa; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

